

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11/9/2023

Về vụ: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lê và ông Đoàn Minh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị A**, sinh năm 1991. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Đỗ Văn T**, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Đồng địa chỉ: Thôn PA, xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị A và anh Đỗ Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 8 năm 2008 tại UBND xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã HA, huyện PH. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, anh T có tính gia trưởng, không bao giờ biết lắng nghe ý kiến của vợ, anh T ăn chơi, nợ nhiều, chị A đã nhiều lần trả nợ cho anh T. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị A không thể tiếp tục chung sống với anh T, chị A mong muốn được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Thị Mỹ K, sinh ngày: 22/9/2009 và Đỗ Thành Đ, sinh ngày: 14/10/2016, khi ly hôn chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Theo tài liệu có tại hồ sơ, quá trình giải quyết vụ án: Lúc đầu anh T không đồng ý ly hôn, sau đó thì đồng ý ly hôn và yêu cầu giải quyết tài sản chung. Nhưng sau đó, anh T thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn với chị A.

- Về con chung: Anh T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân giữa anh với chị A có hai con chung tên Đỗ Thị Mỹ K, sinh ngày: 22/9/2009 và Đỗ Thành Đ, sinh ngày: 14/10/2016. Anh T không đồng ý ly hôn, nên anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Lúc đầu anh T yêu cầu giải quyết tài sản chung, tại biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 23/7/2023, anh T và chị A thỏa thuận phân chia tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện PH tiến hành hòa giải không thành, vì vậy, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Phạm Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đỗ Văn T; về con chung chị A nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung và yêu cầu anh tình cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Đỗ Thành Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng. Bị đơn anh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Việc nội dung giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, tại phiên tòa, chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bị đơn anh Đỗ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Đỗ Thành Đ, mỗi tháng 1.500.000 đồng; Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị A kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Đỗ Văn T, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện PH. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH.

Đối với sự vắng mặt của bị đơn Đỗ Văn T. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T. Trong các phiên hòa giải, anh T có mặt, nhưng sau đó anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Xét thấy chị Phạm Thị A và anh Đỗ Văn T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của chị A và anh T được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị A xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về kinh cãi với vợ, con, hay chơi cờ bạc, nợ nần, chị A đã nhiều lần trả nợ cho anh T. Sự việc mâu thuẫn gia đình hai bên đều biết nhưng không hòa giải được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị A cũng không còn thương anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T.

[2.2] Đối với anh Đỗ Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đồng ý ly hôn với chị A, nhưng sau đó thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để duy trì hôn nhân với chị A.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thị A với anh Đỗ Văn T mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt như mong muốn, tình cảm vợ chồng không còn. HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa chị A với anh T có hai con chung tên Đỗ Thị Mỹ K, sinh ngày: 22/9/2009 và Đỗ Thành Đ, sinh ngày: 14/10/2016 hiện nay đang sống chung với chị A. Khi ly hôn, chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cháu Đỗ Thị Mỹ K có nguyện vọng được ở với chị A. Xét yêu cầu của chị A phù hợp với nguyện vọng của cháu K, cháu K là nữ cần phải ở với mẹ là phù hợp cho sự phát triển tâm, sinh lý hơn, nên HĐXX căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị A, giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Đỗ Thành Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 23/7/2023, nguyên đơn, bị đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung gồm: Diện tích đất 112 m² vợ chồng mua và 01 căn nhà trên đất, các tài sản khác gồm 01 chiếc xe Sirius biển số 78E1- 347.02, 01 xe Jupiter,

01 tivi hiệu Sony, 01 dàn máy hát Karaoke, 01 máy lọc nước, 01 tủ lạnh, 01 bộ bàn ghế, 01 máy quạt hơi nước tại thôn PA, xã HA, huyện PH, chị A và anh T yêu cầu tòa án giải quyết phân chia theo quy định; Về nợ chung: Chị A và anh T không yêu cầu tòa án giải quyết. Tại biên bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 23/7/2023, chị A và anh T đã thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn chị Phạm Thị A phải chịu án dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Bị đơn anh Đỗ Văn T phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24 và 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị A.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị A được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Đỗ Thị Mỹ K, sinh ngày: 22/9/2009 và Đỗ Thành Đ, sinh ngày: 14/10/2016 cho nguyên đơn chị Phạm Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn anh Đỗ Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Đỗ Thành Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2023 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình.

Anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp tại phiếu thu số 0009493 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên nên chị A đã nộp đủ. Bị đơn anh Đỗ Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- UBND xã HA, H. PH
(quyển số 01, số 84 ngày 20/8/2008);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Nhật

